

Thứ hai, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/8/2023		●	
Tuần 14/8-18/8/2023		●	
Tháng 08/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index hôm nay tiếp tục tích lũy quanh vùng 1,235 điểm và kết phiên tại mốc 1,236.84 điểm, tăng nhẹ hơn bốn điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà tăng hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tới, VN-Index cần một cây nến chỉ hướng với thanh khoản ủng hộ để bật lên khỏi vùng tích lũy hiện tại và tiến về 1,280.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30 trừ HĐTL VN30F2403 và VN30F2308. Khuyến nghị nhà đầu tư thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/8/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+4.63** điểm, đóng cửa **1236.84** điểm. HNX-Index **+5.19** điểm, đóng cửa **250.44** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.16)**, **VIC (+0.68)**, **HPG (+0.67)**, **GVR (+0.46)**, **VND (+0.42)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.69)**, **MSN (-0.84)**, **GAS (-0.44)**, **SSB (-0.41)**, **VRE (-0.27)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,967** tỷ đồng, tăng **6.25%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,544 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 10.57 điểm. Thị trường có **315** mã tăng, 58 mã tham chiếu, **159** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-958.03** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-116.48 tỷ)**, **BVH (-103.01 tỷ)**, **STB (-83.59 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-28.32** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+0.56%**. Các mã diễn biến tích cực: **IDC (+2.95%)**, **DPM (+2.76%)**, **GVR (+2.13%)**.
- BSC50 **+1.56%**. Các mã diễn biến tích cực: **HUT (+7.45%)**, **CII (+6.92%)**, **VND (+6.73%)**.

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



Báo cáo doanh nghiệp chi tiết xem tại:

[Link](#)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vi mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1236.84**

Giá trị: 21967.1 tỷ **4.63 (0.37%)**

Khối ngoại (ròng): -958.03 tỷ

HNX-INDEX **250.44**

Giá trị: 2339.98 tỷ **5.19 (2.12%)**

Khối ngoại (ròng): -28.32 tỷ

UPCOM-INDEX **93.46**

Giá trị: 846.89 tỷ **0.18 (0.19%)**

Khối ngoại(ròng): 9.71 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	83.0	-1.67%
Giá vàng	1,912	-0.13%
Tỷ giá USD/VND	23,848	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	26,043	0.18%
Tỷ giá JPY/VND	16,445	0.27%
LS liên NH 1 tháng	1.6%	0.35%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-0.05%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	107.67	MSN	-116.48
CTG	27.32	BVH	-103.01
KBC	25.23	STB	-83.59
CTD	13.99	VHM	-83.36
HSG	11.14	VCB	-70.59

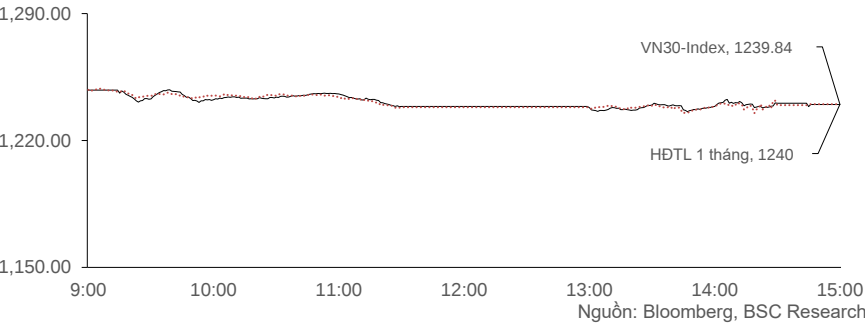
Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2312	1240.00	0.27%	-3.43	-25.9%	83	12/21/2023	131
VN30F2403	1234.10	-0.15%	-9.33	-40.2%	55	3/21/2024	222
VN30F2308	1239.10	-0.03%	-4.33	-15.9%	208,756	8/17/2023	5
VN30F2309	1240.70	0.06%	-2.73	263.7%	8,097	9/21/2023	40

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 2.66 điểm lên 1243.43 điểm, biên độ dao động 11.84 điểm. Các cổ phiếu như HPG, SSI, MWG, VIC, và FPT đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 kết phiên trong sắc xanh, tăng nhẹ 0.21% so với phiên trước đó. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30 trừ HĐTL VN30F2403 và VN30F2308. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm trừ HĐTL VN30F2309. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều giảm trừ HĐTL VN30F2403 và VN30F2309.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVIC2302	23/11/2023	101	8:1	129,000	8.58%	55,666	2,990	16.80%	2,308	1.30	79,586	73,300	73,300
CVIC2303	25/12/2023	133	8:1	323,800	12.22%	57,777	3,060	16.79%	2,109	1.45	82,257	73,300	73,300
CVIC2305	26/2/2024	196	8:1	312,300	15.02%	61,111	2,900	16.00%	1,866	1.55	84,311	73,300	73,300
CVIC2301	30/10/2023	77	8:1	314,800	6.49%	53,979	3,010	14.89%	2,485	1.21	78,059	73,300	73,300
CMWG2215	1/11/2023	79	10:1	162,700	4.53%	44,572	1,220	10.91%	1,054	1.16	56,656	54,200	54,200
CVHM2219	5/9/2023	22	5:1	120,000	1.72%	56,000	1,250	8.70%	1,126	1.11	62,250	61,200	61,200
CHPG2315	24/6/2024	315	4:1	146,500	24.11%	27,777	1,790	8.48%	1,098	1.63	34,937	28,150	28,150
CHPG2310	2/10/2023	49	4:1	352,700	2.67%	23,222	1,420	8.40%	1,292	1.10	28,902	28,150	28,150
CHPG2308	30/10/2023	77	4:1	270,500	3.41%	22,111	1,750	8.02%	1,592	1.10	29,111	28,150	28,150
CPDR2304	26/12/2023	134	4:1	317,800	11.05%	17,999	1,830	7.65%	1,341	1.36	25,319	22,800	22,800
CHPG2317	26/2/2024	196	4:1	15,300	17.68%	26,888	1,560	7.59%	974	1.60	33,128	28,150	28,150
CPDR2303	25/3/2024	224	4:1	20,600	21.26%	19,888	1,940	7.18%	1,118	1.73	27,648	22,800	22,800
CNVL2303	25/3/2024	224	4:1	467,800	19.21%	17,333	2,000	6.95%	1,228	1.63	25,333	21,250	21,250
CPDR2302	23/11/2023	101	4:1	528,800	9.94%	18,666	1,600	6.67%	1,155	1.39	25,066	22,800	22,800
CHPG2319	26/6/2024	317	4:1	307,300	30.13%	30,111	1,630	6.54%	849	1.92	36,631	28,150	28,150
CHPG2227	1/11/2023	79	2:1	221,300	2.45%	20,500	4,170	6.38%	3,948	1.06	28,840	28,150	28,150
CPDR2305	26/6/2024	317	4:1	258,200	26.94%	20,222	2,180	6.34%	1,199	1.82	28,942	22,800	22,800
CHPG2312	2/1/2024	141	4:1	70,800	8.62%	23,777	1,700	6.25%	1,358	1.25	30,577	28,150	28,150
CHPG2318	26/3/2024	225	4:1	234,900	23.13%	29,222	1,360	6.25%	757	1.80	34,662	28,150	28,150
CHPG2307	2/1/2024	141	4:1	98,300	7.80%	22,666	1,920	6.08%	1,576	1.22	30,346	28,150	28,150

Tổng 4,673,400 12.85%**

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 14/8/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CVIC2302 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 16.79%. Giá trị giao dịch giảm -23.65%. CMBB2215 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.9%.
- CVIC2305, CTCB2212, CNVL2301, và CNVL2303 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CNVL2305, CNVL2302, CHPG2306, và CPDR2301 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CNVL2301, CNVL2303, CSTB2224, và CHPG2302 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	47.60	1.93	1.16	2.12MLN
VIC	73.30	0.96	0.68	12.70MLN
HPG	28.15	1.62	0.67	44.95MLN
GVR	21.55	2.13	0.46	2.16MLN
VND	21.40	6.73	0.42	58.77MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	89.00	-1.55	-2	1.47MLN
MSN	82.20	-2.72	-1	2.72MLN
GAS	100.60	-0.89	0	549300
SSB	29.75	-2.14	0	1.06MLN
VRE	30.30	-1.46	0	6.38MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SCD	17.60	6.99	0.00	6300.00
HSL	8.42	6.99	0.01	505100
PIT	9.06	6.97	0.00	40300
LGL	6.00	6.95	0.01	922800
SMA	8.77	6.95	0.00	7100

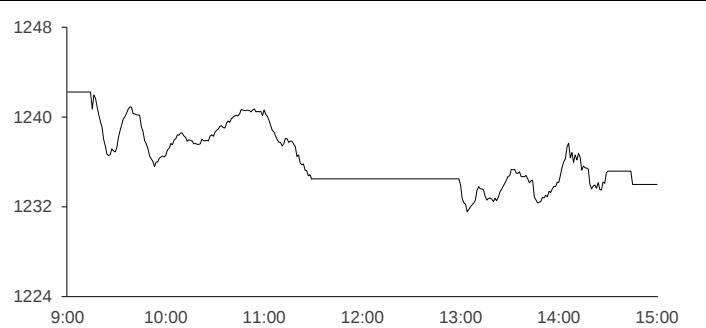
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	89.00	-1.55	-1.69	1.47MLN
MSN	82.20	-2.72	-0.84	2.72MLN
GAS	100.60	-0.89	-0.44	549300.00
SSB	29.75	-2.14	-0.41	1.06MLN
VRE	30.30	-1.46	-0.27	6.38MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

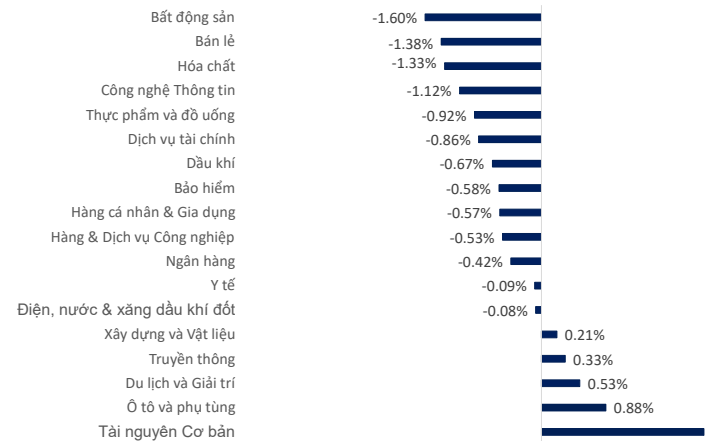
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	21.30	9.79	1.19	15.79MLN
HUT	27.40	7.45	1.03	4.01MLN
SHS	16.80	5.00	1.01	32.17MLN
NVB	16.40	4.46	0.64	1.32MLN
IDC	48.90	2.95	0.53	5.35MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	14.20	-0.70	-0.12	12600
VC7	30.20	-9.85	-0.12	1.57MLN
SLS	200.80	-3.04	-0.05	24900
SHN	7.90	-2.47	-0.04	4500
SEB	39.70	-9.36	-0.03	3500

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

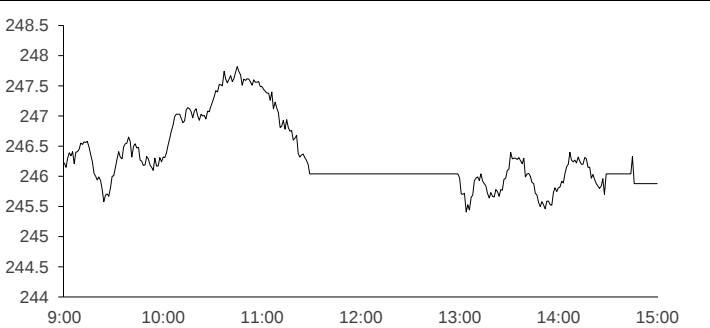
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DIH	33.00	10.0	0.02	59400
VLA	28.60	10.0	0.01	2100
NHC	30.90	10.0	0.01	100
L14	52.00	9.9	0.18	913000
CEO	21.30	9.8	1.19	15.79MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VC7	30.20	-9.85	-0.12	1.57MLN
TTC	11.90	-9.85	-0.01	4100
SEB	39.70	-9.36	-0.03	3500
BKC	7.30	-8.75	-0.01	400
BST	16.00	-8.57	0.00	3400

Hình 2

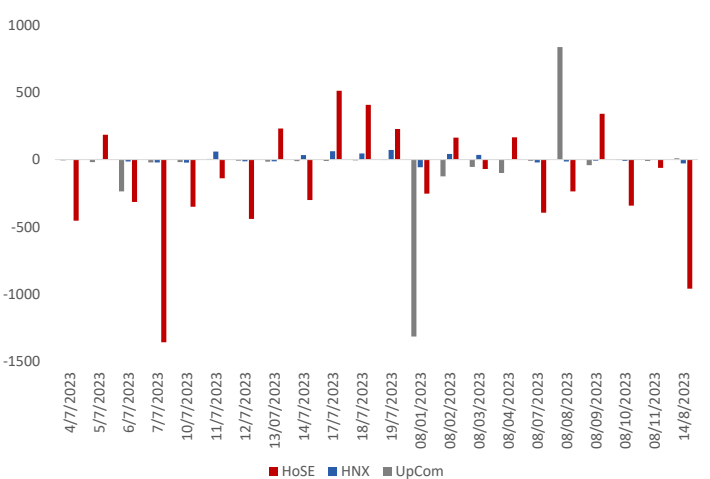
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4

Giao dịch khối ngoại



Danh mục BSC30

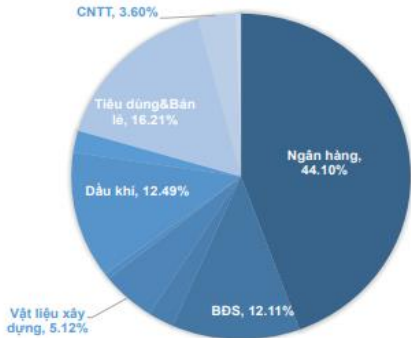
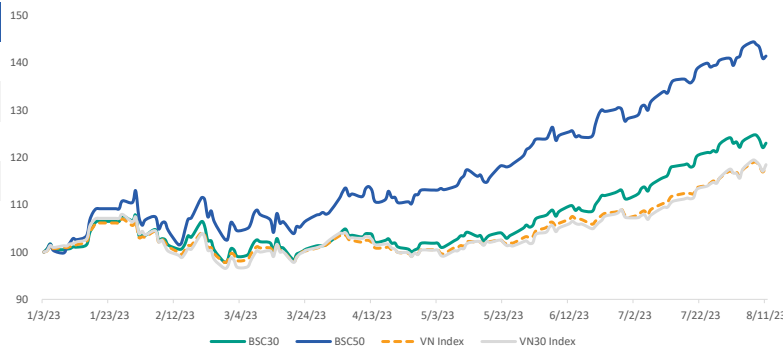
Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài bảo
VCB	Ngân hàng	89.0	-1.5%	0.8	21,627	5.7	7,311	12.2	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	47.6	1.9%	1.0	10,469	4.4	4,208	11.3	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	22.0	-0.2%	1.1	6,407	11.1	3,972	5.5	23,685	28.1%	Link
TCB	Ngân hàng	33.8	0.4%	1.4	5,169	6.7	14,982	2.3	-	17.6%	Link
MBB	Ngân hàng	19.0	0.3%	1.4	4,296	6.7	14,982	1.3	24,400	17.6%	Link
STB	Ngân hàng	31.9	0.2%	1.3	2,615	23.3	4,640	6.9	31,200	30.0%	Link
GVR	BĐS KCN	21.6	2.1%	1.1	3,748	2.0	4,603	4.7	19,100	23.2%	Link
KBC	BĐS KCN	32.5	1.4%	1.6	1,083	15.0	4,880	6.6	34,000	29.2%	Link
IDC	BĐS KCN	48.9	2.9%	1.8	702	11.3			45,900	42.8%	Link
VGC	BĐS KCN	47.0	1.2%	1.8	916	1.7	1,217	38.6	-	0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	28.2	1.6%	1.0	7,117	54.8	1,916	14.7	23,300	23.4%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	61.2	0.5%	0.9	11,586	16.6	1,896	32.3	79,900	10.6%	Link
VRE	BĐS	30.3	-1.5%	1.1	2,994	8.4	5,227	5.8	36,200	23.9%	Link
KDH	BĐS	36.5	0.1%	0.4	1,138	2.8	1,576	23.2	35,900	32.5%	Link
NLG	BĐS	38.8	0.3%	1.6	648	5.4	2,557	15.2	46,100	44.9%	Link
DGC	Phân bón	73.4	0.1%	1.5	1,212	8.1	14,120	5.2	85,000	18.4%	Link
DPM	Dầu khí	41.0	2.8%	1.2	698	8.0	6,793	6.0	42,000	3.0%	Link
DCM	Dầu khí	33.6	2.0%	0.8	772	4.0	2,625	12.8	40,000	18.1%	Link
GAS	Dầu khí	100.6	-0.9%	0.7	8,371	2.4	2,292	43.9	110,500	41.1%	Link
PLX	Dầu khí	40.6	-0.2%	1.1	2,240	2.1	1,340	30.3	45,000	20.4%	Link
PVS	Dầu khí	35.0	0.0%	1.1	727	7.7	993	35.2	38,500	6.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.7	0.6%	1.4	620	4.4	7,698	3.3	29,000	49.0%	Link
POW	Tiện ích	13.8	0.7%	1.1	1,400	5.2	3,895	3.5	14,500	55.8%	Link
VNM	Bán lẻ	73.4	-0.1%	1.2	6,670	9.8	2,605	28.2	81,700	30.6%	Link
MSN	Bán lẻ	82.2	-2.7%	1.2	5,114	9.8	3,456	23.8	27,700	49.0%	Link
MWG	Bán lẻ	54.2	1.7%	1.5	3,447	22.4	7,475	7.3	63,300	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	79.4	0.0%	0.8	1,132	1.8	2,965	26.8	83,500	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	75.0	0.4%	1.2	598	3.1	12,800	5.9	90,900	30.5%	Link
GMD	Logistics	55.7	0.9%	0.6	730	1.7	7,059	7.9	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	82.6	0.7%	0.8	4,561	3.6	5,901	14.0	96,300	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.74%	-0.46%	-0.66%	-0.64%
1 tuần	0.43%	1.62%	1.11%	1.52%
1 tháng	14.01%	14.94%	11.42%	12.63%
3 tháng	19.69%	24.10%	16.61%	17.52%

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	32.3	0.6%	1.1	6,749	8.9	3,636	8.9	1.3	27.2%	15.9%
ACB	Ngân hàng	23.1	0.7%	1.0	3,892	10.4	3,723	6.2	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	17.2	0.6%	0.9	2,157	1.6	2,765	6.2	1.3	20.0%	22.3%
LPB	Ngân hàng	18.9	1.3%	1.5	1,417	3.6	2,135	8.8	1.3	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	20.7	0.7%	1.3	2,283	4.0	3,531	5.9	1.5	20.5%	28.5%
VND	Chứng khoán	21.4	6.7%	2.0	1,133	53.8	467	45.8	1.7	23.5%	3.8%
TPB	Ngân hàng	18.7	0.0%	1.1	1,785	4.4	2,697	6.9	1.3	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	29.2	3.6%	1.7	1,900	38.1	1,096	26.6	2.0		9.1%
CII	Xây dựng	22.4	6.9%	1.9	277	23.0	42	535.4	1.1	8.4%	0.2%
C4G	Xây dựng	15.6	2.6%	2.1	229	2.1	791	19.7	1.4	0.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	67.3	-0.1%	1.9	218	2.8	916	73.5	0.6	43.2%	0.8%
HHV	Xây dựng	16.1	2.5%	1.7	231	4.4	939	17.1	0.7	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	14.3	1.1%	2.1	117	5.1	492	28.9	1.1	3.1%	3.7%
BCM	KCN	73.5	-0.8%	0.9	3,308	0.6	388	189.6	4.5	2.7%	3.1%
HUT	KCN	27.4	7.5%	1.6	415	4.7	152	180.9	2.5	1.9%	1.3%
PHR	KCN	50.8	0.2%	1.4	299	0.9	6,557	7.7	2.1	15.3%	26.8%
SZC	KCN	38.3	3.0%	1.9	200	1.4	1,393	27.5	2.8	3.0%	10.8%
HSG	Vật liệu	20.1	1.3%	2.1	538	10.0	(2,105)		1.2	20.2%	-11.7%
HT1	Vật liệu	16.6	1.2%	1.5	275	0.7	166	99.5	1.3	3.6%	1.2%
NKG	Vật liệu	20.3	4.1%	2.3	232	15.6	(2,875)		1.0	10.4%	-13.1%
PTB	Vật liệu	54.8	0.4%	1.1	159	0.9	5,293	10.4	1.4	17.1%	13.7%
KSB	Vật liệu	31.3	0.8%	1.7	104	2.6	1,291	24.2	1.2	3.3%	5.0%
NVL	BĐS	21.3	1.7%	1.1	1,802	41.5	(100)		1.1	3.9%	-0.5%
DXG	BĐS	20.4	0.7%	2.3	541	26.1	(209)		1.3	18.4%	-1.4%
HDC	BĐS	37.6	1.9%	1.6	221	13.1	2,189	17.2	2.8	2.0%	17.2%
DIG	BĐS	27.5	3.8%	2.6	729	39.2	138	198.8	2.2	5.8%	1.1%
IJC	BĐS	16.9	2.4%	2.1	184	2.0	1,491	11.3	1.2	5.7%	10.2%
BSR	Dầu khí	20.8	0.0%	1.4	2,804	6.4	4,750	4.4	1.3	0.4%	33.2%
PVT	Dầu khí	23.5	0.6%	1.2	331	2.4	3,018	7.8	1.1	13.9%	15.9%
PLC	Săm lốp	38.2	0.3%	1.8	134	0.4	1,202	31.8	2.4	1.2%	7.6%
DRC	Tiện ích	23.4	-0.2%	1.2	121	0.2	1,971	11.8	1.6	11.5%	13.4%
REE	Tiện ích	63.5	0.5%	0.8	1,128	1.1	6,452	9.8	1.6	49.0%	14.9%
GEX	Tiện ích	22.6	0.9%	2.0	837	14.4	372	60.8	1.6	11.9%	2.5%
NT2	Tiện ích	29.7	-0.2%	0.7	371	0.9	2,473	12.0	1.8	15.3%	15.6%
HDG	Tiện ích	31.6	1.4%	1.7	419	1.9	2,687	11.7	1.7	23.8%	15.7%
PC1	Tiện ích	27.9	-0.4%	1.3	328	2.4	926	30.1	1.5	5.6%	5.1%
GEG	Tiện ích	15.5	0.3%	1.1	229	0.9	845	18.3	1.4	45.9%	5.2%
BCG	Dầu khí	12.1	5.2%	2.2	281	13.2	(78)		1.0	2.1%	-0.6%
SAB	Bán lẻ	158.0	-0.9%	0.1	4,405	1.1	6,863	23.0	4.2	62.3%	19.1%
QNS	Bán lẻ	48.6	1.3%	0.5	754	4.2	4,226	11.5	2.0	16.2%	17.5%
FRT	Bán lẻ	74.2	-1.1%	1.5	440	3.2	(328)		5.9	32.7%	-2.5%
DGW	Bán lẻ	54.5	1.7%	2.0	396	5.3	3,066	17.8	3.5	23.6%	21.7%
DBC	Bán lẻ	26.1	-0.6%	2.1	275	9.4	(48)		1.4	6.0%	-0.2%
PET	Bán lẻ	27.7	2.6%	2.3	129	0.5	843	32.9			3.7%
BAF	Bán lẻ	21.8	0.2%		136	3.1	1,206	18.1	1.6	0.1%	10.0%
ANV	Thủy sản	35.3	0.0%	1.6	204	3.5	2,092	16.9	1.6	3.9%	9.3%
VSC	Logistics	35.2	2.3%	0.5	185	2.7	1,479	23.8	1.5	3.1%	6.4%
HAH	Logistics	33.6	2.1%	1.2	154	2.5	5,358	6.3	1.4	4.5%	25.5%
CTR	Công nghệ	72.3	-1.0%	1.4	360	0.8	4,223	17.1	4.9	9.7%	31.9%
TNG	Dệt may	20.0	1.0%	1.7	99	0.9	2,384	8.4	1.3	24.0%	17.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisititc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_ Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click

Danh sách các báo cáo Cập nhật KQKD BSC đã phát hành gần đây

STT	MÃ CK	Ngày cập nhật	STT	MÃ CK	Ngày cập nhật	STT	MÃ CK	Ngày cập nhật
1	IJC	03/08/2023	7	DBC	04/08/2023	13	DPM	04/08/2023
2	DGC	03/08/2023	8	VCG	04/08/2023	14	VCG	04/08/2023
3	BSR	03/08/2023	9	TNG	04/08/2023	15	NLG	08/08/2023
4	PVT	03/08/2023	10	ELC	04/08/2023	16	BSR	10/08/2023
5	DCM	03/08/2023	11	NVL	04/08/2023	17	MWG	14/08/2023
6	VHC	02/08/2023	12	DXG	04/08/2023			

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639